

Án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 9 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Thanh Thủy; Bà Phạm Thị Bích Nguyệt

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vương Thị Thanh Lan – Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Thái Nguyên: Ông
Vũ Đại Dương- chức vụ kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1974, có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Xóm vó Giữa, xã Nhân Nghĩa, huyện L Sơn, tỉnh Hòa Bình

Bị đơn: Ông Cao Văn V, sinh năm 1960

Địa chỉ: TDP Xuân Thành, phường C Đan, Tp Sông Công, Thái Nguyên

(Ông V vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai bà T trình bày: Năm 2019 bà và ông Cao Văn V kết hôn, có đăng ký tại UBND xã Nhân Nghĩa, huyện L Sơn, tỉnh Hòa Bình. Bà và ông V kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, bất đồng quan điểm và khác biệt về phong tục, tập quán, bà và ông V đã sống ly thân từ tháng 3/2020. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống; Về con chung: Không có; Về tài sản

chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn theo yêu cầu khởi kiện. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường C Đan, nơi cư trú của ông V tại TDP Xuân Thành, phường C Đan, thành phố Sông Công xác định: Ông Cao Văn V, sinh năm 1960 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Xuân Thành, phường C Đan, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Số hồ sơ hộ khẩu 05515- 001656 chủ hộ là ông Cao Văn V, sinh năm 1960, sổ hộ khẩu có duy nhất là ông V. Hiện ông V chưa làm thủ tục cắt chuyển hộ khẩu với chính quyền địa phương nhưng ông V vắng mặt đi làm ăn ở xa thì thoảng mới về nhà. Tại tổ dân phố Xuân Thành, phường C Đan, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên ông tổ trưởng dân phố cũng xác nhận ông V là công dân của tổ dân phố, hiện tại ông V đi làm ăn ở xa thì thoảng có về nhà rồi lại đi.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải cho bà T, ông V về đoàn tụ, nhưng ông V không đến Tòa án giải quyết vụ án, đến nay bà T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với ông V. Do ông V vắng mặt tại các phiên hòa giải; Tòa án không tiến hành hòa giải được với các đương sự, nên vụ án được xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên Toà, đại diện VKS nhân dân thành phố Sông Công phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn*” căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng, không có vi phạm, không có đề xuất kiến nghị gì.

* Về quan điểm giải quyết vụ án :

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông V.
- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có
- Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho ông V theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS năm 2015, nhưng ông V vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với ông V, bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019 bà Bùi Thị T và ông Cao Văn V kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND phường C Đan, thành phố Sông Công, Thái Nguyên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do không có tiếng nói chung, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm và khác biệt về phong tục, tập quán, bà và ông V đã sống ly thân từ tháng 3/2020. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hội đồng xét xử xét thấy, ông V mặc dù đã được Tòa án báo gọi thông báo về việc bà T xin ly hôn nhưng không có mặt tại Tòa án để hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, như vậy có thể thấy ông V không thiện chí trong vấn đề đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T làm đơn xin ly hôn là có cơ sở. Do đó chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn ông V là phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015.

[3] Về con chung: Không có con chung

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau khi ly hôn các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung sau ly hôn thì khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Bà T, ông V có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 180, 227, 228; Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị T. Bà Bùi Thị T được ly hôn ông Cao Văn V.

2. Về con chung: Không có con chung

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001641 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

7. Về quyền kháng cáo: Bà T, ông V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPSCN;
- Chi cục THATPSCN;
- Các đương sự;
- UBND P.C Đan, TPSCN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bình

